**TRƯỜNG THCS TÂN HỘ CƠ HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN**

# **TỔ: KHTN-CÔNG NGHỆ - THƯ VIỆN NGUYỄN THỊ THẮM**

# **Chủ đề 12: TIẾN HÓA**

# **BÀI 47: CƠ CHẾ TIẾN HÓA**

**Môn học: Khoa học tự nhiên lớp 9**

**Thời gian thực hiện: từ ngày 14/4/2025 đến 19/4/2025. ( Số tiết 125, 126, 127)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

**-** Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu quan điểm về cơ chế tiến hoá của Lamarck, Darwin và thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại.

- Giao tiếp và hợp tác:

+ Sử dụng ngôn ngữ khoa học để nêu quan điểm của Lamarck và của Darwin về cơ chế tiến hoá, trình bày một số luận điểm về tiến hoá theo quan niệm của thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại.

+ Hoạt động nhóm một cách hiệu quả theo đúng yêu cầu của GV trong khi thảo luận về khái niệm tiến hóa và các hình thức chọn lọc, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**1.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

- Nhận thức khoa học tự nhiên:

+ Nêu được quan điểm của Lamarck về cơ chế tiến hóa.

+ Trình bày được quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hóa.

+ Trình bày được một số luận điểm về tiến hóa theo quan niệm của thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại (cụ thể: nguồn biến dị di truyền của quần thể, các nhân tố tiến hóa, cơ chế tiến hóa lớn).

- Tìm hiểu tự nhiên: Trình bày các quan điểm của Lamarck, Darwin và thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại về cơ chế tiến hoá.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức cơ chế tiến hoá để giải thích được tính đa dạng và thống nhất của thế giới sống.

**2. Về phẩm chất**

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.

- Cẩn thận, trung thực và thực hiện các yêu cầu trong bài học.

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá về sự tiến hoá của thế giới sống.

- Nhận biết được vai trò quan trọng của đa dạng sinh học, từ đó, có ý thức bảo vệ sự đa dạng của sinh giới.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Các hình ảnh theo sách giáo khoa;

- Máy chiếu, giấy A1, bút viết bảng.

- Video tư liệu: <https://www.youtube.com/watch?v=frhOgKK7Lew>

- Phiếu học tập:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **1.** Quan sát hình 47.2, đọc thông tin SGK và cho biết:    a. Yếu tố nào tác động đến sự hình thành nhiều hình dạng mỏ khác nhau của chim?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  b. Cơ chế nào giúp hình thành nhiều loài chim sẻ khác nhau từ một tổ tiên chung?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **2.** Trình bày quan điểm của Darwin về nguồn gốc các loài.  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Câu 1.** Quan sát hình 47.3, đọc thông tin SGK và cho biết cơ chế tạo ra sự đa dạng về kiểu hình ở loài bọ rùa.    **Câu 2.** Hãy nêu vai trò của biến dị di truyền đối với quá trình tiến hóa.  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 3.** Các nhân tố tiến hóa gồm: đột biến, di – nhập gene, yếu tố ngẫu nhiên, giao phối không ngẫu nhiên và chọn lọc tự nhiên tác động làm thay đổi thành phần nào của quần thể?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 4.** Hãy lấy các ví dụ về sự di cư ở một số loài động vật. Theo em, hiện tượng phát tán hạt phấn của thực vật có phải là hiện tượng di nhập gene không?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 5.** Sự hình thành các nhóm phân loại trên loài được tiến hóa chủ yếu theo hướng nào? Cho ví dụ.  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (7 phút)**

**a) Mục tiêu:** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề, để học sinh biết về cơ chế tiến hóa.

**b) Nội dung:**

- GV cho HS xem video về sự tiến hoá của sinh giới (sự hình thành các loài sinh vật từ dạng tổ tiên ban đầu) và cho HS thảo luận theo nhóm hoặc cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Thế giới sinh vật trên Trái Đất rất đa dạng và phong phú, đồng thời mỗi sinh vật lại thích nghi hợp lí với đời sống của nó. Đây là kết quả của quá trình tiến hóa lâu dài, mất hàng triệu năm, trải qua hàng trăm ngàn thế hệ sinh sản. Vậy cơ chế tiến hóa để hình thành thế giới sinh vật ngày nay như thế nào?*

**c)** **Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh.

*Dự kiến SP: Cơ chế tiến hóa để hình thành thế giới sinh vật ngày nay là sự thay đổi vốn gene của quần thể qua thời gian dưới tác động của các nhân tố tiến hóa cơ bản dẫn đến hình thành loài mới và sau đó là các đơn vị phân loại trên loài.*

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ:**  - HS nhận nhiệm vụ.  - GV cho HS xem video về sự tiến hoá của sinh giới (sự hình thành các loài sinh vật từ dạng tổ tiên ban đầu) và cho HS thảo luận theo nhóm hoặc cặp đôi để trả lời câu hỏi: *Thế giới sinh vật trên Trái Đất rất đa dạng và phong phú, đồng thời mỗi sinh vật lại thích nghi hợp lí với đời sống của nó. Đây là kết quả của quá trình tiến hóa lâu dài, mất hàng triệu năm, trải qua hàng trăm ngàn thế hệ sinh sản. Vậy cơ chế tiến hóa để hình thành thế giới sinh vật ngày nay như thế nào?*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS theo dõi video, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần thiết.  **Báo cáo kết quả:**  Đại diện HS nhanh nhất trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung ý kiến.  GV mời đại diện một số HS trả lời câu hỏi.  **Chốt lại và đặt vấn đề vào bài** |  |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1.Hoạt động 2.1: Tìm hiểu quan điểm của Lamarck về cơ chế tiến hóa (25 phút)**

1. **Mục tiêu:** Nêu được quan điểm của Lamarck về cơ chế tiến hóa.
2. **Nội dung:** GV tổ chức cho HS nghiên cứu thông tin SGK trang 203, thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi:

A giraffe eating a tree

Description automatically generated

1. Theo quan điểm của Lamarck, yếu tố chính giúp thế hệ con cháu của loài hươu cao cổ có cổ cao là gì?
2. Điểm nào chưa đúng trong quan điểm của Lamarck khi giải thích để sự hình thành đặc điểm thích nghi của hươu cao cổ?
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
4. Theo quan điểm của Lamarck, yếu tố chính giúp thế hệ con cháu của loài hươu cao cổ có cổ cao là do điều kiện sống thay đổi chậm chạp (dưới thấp không còn lá cây), hươu chủ động vươn dài cổ để thích nghi.
5. Điểm chưa đúng trong quan điểm của Lamarck khi giải thích để sự hình thành đặc điểm thích nghi của hươu cao cổ là:

- Lamarck cho rằng sự thay đổi một cách chậm chạp và liên tục của môi trường sống là nguyên nhân phát sinh các loài mới từ một loài tổ tiên ban đầu.

- Lamarck cho rằng mọi biến đổi trên cơ thể sinh vật đều được di truyền và tích lũy.

- Lamarck cho rằng sinh vật luôn có khả năng chủ động thích ứng với sự thay đổi của môi trường bằng cách thay đổi tập quán hoạt động của các cơ quan, do đó không có loài nào bị đào thải.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ:**  HS nhận nhiệm vụ.  GV tổ chức cho HS nghiên cứu thông tin SGK trang 203, thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi:    1. Theo quan điểm của Lamarck, yếu tố chính giúp thế hệ con cháu của loài hươu cao cổ có cổ cao là gì?  2. Điểm nào chưa đúng trong quan điểm của Lamarck khi giải thích để sự hình thành đặc điểm thích nghi của hươu cao cổ?  **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  -HS quan sát hình, đọc SGK thu nhận thông tin.  -Thảo luận nhóm, thống nhất nội dung trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần thiết.  **Báo cáo kết quả:**  - Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.   * GV mời đại diện một số nhóm trả lời các câu hỏi. | **1. Quan điểm của Lamarck về cơ chế tiến hóa**  Theo Lamarck, ngoại cảnh đóng vai trò quan trọng đối với sự tiến hóa của sinh giới. Sự thay đổi một cách chậm chạp và liên tục của môi trường sống giúp sinh vật tích lũy được các biến đổi để thích ứng với các môi trường mới, tạo nên sự tiến hóa “tiệm tiến”, từ đó hình thành nên các loài mới. |

**2.2.Hoạt động 2.2: Tìm hiểu quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hóa (30 phút)**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hóa.

**b) Nội dung:** GV tổ chức cho HS quan sát hình 47.2, nghiên cứu thông tin SGK trang 204, hoạt động nhóm và hoàn thành PHT số 1 trong thời gian 7 phút.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **1.** Quan sát hình 47.2, đọc thông tin SGK và cho biết:    a. Yếu tố nào tác động đến sự hình thành nhiều hình dạng mỏ khác nhau của chim?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  b. Cơ chế nào giúp hình thành nhiều loài chim sẻ khác nhau từ một tổ tiên chung?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **2.** Trình bày quan điểm của Darwin về nguồn gốc các loài.  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**Luyện tập:**

**Bảng so sánh quan điểm của Lamarck và Darwin về cơ chế tiến hóa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Quan điểm của Lamarck** | **Quan điểm của Darwin** |
| Nguyên nhân tiến hóa |  |  |
| Sự hình thành đặc điểm thích nghi |  |  |
| Nguồn gốc của sinh vật |  |  |
| Tồn tại chung |  | |

**c) Sản phẩm:** Đáp án PHT số 1.

Dự kiến:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **1.** Quan sát hình 47.2, đọc thông tin SGK và cho biết:    a. Yếu tố nào tác động đến sự hình thành nhiều hình dạng mỏ khác nhau của chim?  *Do loại thức ăn khác nhau.*  b. Cơ chế nào giúp hình thành nhiều loài chim sẻ khác nhau từ một tổ tiên chung?  *Cơ chế giúp hình thành nhiều loài chim sẻ khác nhau từ một tổ tiên chung chính là chọn lọc tự nhiên tác động thông qua đặc tính biến dị di truyền theo nhiều hướng khác nhau: Từ một loài tổ tiên được phân chia thành nhiều quần thể, mỗi quần thể được chọn lọc theo một điều kiện sống nhất định (loại thức ăn khác nhau). Trải qua nhiều thế hệ, các quần thể của loài này tiến hóa thành nhiều loài mới có hình dạng và kích thước mỏ khác nhau.*  **2.** Trình bày quan điểm của Darwin về nguồn gốc các loài.  *Quan điểm của Darwin về nguồn gốc các loài là: Các loài được hình thành từ tổ tiên chung thông qua việc tích lũy dần các tính trạng thích nghi.* |

**Luyện tập:**

**Bảng so sánh quan điểm của Lamarck và Darwin về cơ chế tiến hóa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Quan điểm của Lamarck** | **Quan điểm của Darwin** |
| Nguyên nhân tiến hóa | Do ngoại cảnh thay đổi chậm chạp và liên tục. | Do chọn lọc tự nhiên tác động thông qua đặc tính biến dị và di truyền của sinh vật. |
| Sự hình thành đặc điểm thích nghi | Do ngoại cảnh thay đổi chậm chạp, sinh vật có khả năng thích ứng kịp thời và phù hợp nên không bị đào thải. | Do tác động của chọn lọc tự nhiên theo các điều kiện sống khác nhau. Chỉ biến dị có lợi sống sót. Sinh vật không thích nghi sẽ diệt vong. |
| Nguồn gốc của sinh vật | Các loài có nguồn gốc khác nhau, các sinh vật đơn giản được tạo ra độc lập, liên tục. | Sinh vật có nguồn gốc chung từ 1 loài ban đầu. |
| Tồn tại chung | - Chưa rõ nguyên nhân phát sinh biến dị và cơ chế di truyền biến dị.  - Chưa hiểu rõ cơ chế tác động của ngoại cảnh và chọn lọc tự nhiên. | |

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ:**  HS nhận nhiệm vụ  GV tổ chức cho HS quan sát hình 47.2, nghiên cứu thông tin SGK trang 204, hoạt động nhóm và hoàn thành PHT số 1 trong thời gian 7 phút.  **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  Các nhóm quan sát hình ảnh, nghiên cứu SGK, thảo luận và hoàn thành PHT số 1.  GV quan sát, hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  **Báo cáo kết quả:**  - Đại diện nhóm báo cáo, các nhóm HS khác đối chiếu nhận xét.  - GV mời đại diện 1 nhóm lên báo cáo kết quả PHT số 1.  - GV nhận xét, chốt lại đáp án PHT số 1. | **2. Quan điểm của Darwin về cơ chế tiến hóa**  - Theo Darwin, tiến hóa là quá trình tích lũy các biến dị có lợi qua nhiều thế hệ, tạo nên những biến đổi lớn làm cơ sở cho hình thành loài mới.  → Các loài được hình thành từ tổ tiên chung.  - Chọn lọc tự nhiên là nhân tố chính trong quá trình hình thành đặc điểm thích nghi và đấu tranh sinh tồn, tạo động lực để tiến hóa diễn ra liên tục. |

**2.3.Hoạt động 2.3: Tìm hiểu thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại (35 phút)**

**a) Mục tiêu:** Trình bày được một số luận điểm về tiến hóa theo quan niệm của thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại (cụ thể: nguồn biến dị di truyền của quần thể, các nhân tố tiến hóa, cơ chế tiến hóa lớn).

**b) Nội dung:** GV sử dụng phương pháp làm việc nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép để hướng dẫn và gợi ý cho HS hoàn thành phiếu học tập số 2.

Vòng 1: Nhóm chuyên gia

+ GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thực hiện các nhiệm vụ độc lập:

Nhóm 1: Tìm hiểu nguồn biến dị di truyền cho tiến hoá.

Nhóm 2: Tìm hiểu nhân tố tiến hoá.

Nhóm 3: Tìm hiểu cơ chế tiến hoá nhỏ, tiến hoá lớn.

+ Các nhóm làm việc trong vòng 5 phút, sau khi tìm hiểu, thống nhất ý kiến, mỗi thành viên phải trình bày trước nhóm của mình một lượt, như là chuyên gia.

Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép

+ Thành lập nhóm các mảnh ghép: Mỗi nhóm được thành lập từ ít nhất một thành viên của nhóm chuyên gia. Mỗi thành viên có nhiệm vụ trình bày lại cho cả nhóm kết quả tìm hiểu ở nhóm chuyên gia, hoàn thành PHT số 2.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Câu 1.** Quan sát hình 47.3, đọc thông tin SGK và cho biết cơ chế tạo ra sự đa dạng về kiểu hình ở loài bọ rùa.    **Câu 2.** Hãy nêu vai trò của biến dị di truyền đối với quá trình tiến hóa.  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 3.** Các nhân tố tiến hóa gồm: đột biến, di – nhập gene, yếu tố ngẫu nhiên, giao phối không ngẫu nhiên và chọn lọc tự nhiên tác động làm thay đổi thành phần nào của quần thể?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 4.** Hãy lấy các ví dụ về sự di cư ở một số loài động vật. Theo em, hiện tượng phát tán hạt phấn của thực vật có phải là hiện tượng di nhập gene không?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **Câu 5.** Sự hình thành các nhóm phân loại trên loài được tiến hóa chủ yếu theo hướng nào? Cho ví dụ.  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**c) Sản phẩm:** Đáp án PHT số 2.

Dự kiến:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Câu 1.** Quan sát hình 47.3, đọc thông tin SGK và cho biết cơ chế tạo ra sự đa dạng về kiểu hình ở loài bọ rùa.    *Do quá trình đột biến và giao phối đã làm xuất hiện các biến dị di truyền hình thành nên sự đa dạng về kiểu hình ở loài bọ rùa.*  **Câu 2.** Hãy nêu vai trò của biến dị di truyền đối với quá trình tiến hóa.  *Biến dị di truyền là nguồn nguyên liệu cho quá trình chọn lọc tự nhiên.*  **Câu 3.** Các nhân tố tiến hóa gồm: đột biến, di – nhập gene, yếu tố ngẫu nhiên, giao phối không ngẫu nhiên và chọn lọc tự nhiên tác động làm thay đổi thành phần nào của quần thể?  *Các nhân tố tiến hóa gồm: đột biến, di – nhập gene, yếu tố ngẫu nhiên, giao phối không ngẫu nhiên và chọn lọc tự nhiên tác động làm thay đổi thành phần kiểu gene và tần số allele của quần thể.*  **Câu 4.** Hãy lấy các ví dụ về sự di cư ở một số loài động vật. Theo em, hiện tượng phát tán hạt phấn của thực vật có phải là hiện tượng di nhập gene không?  *- Ví dụ về sự di cư ở một số loài động vật:*  *+ Vào mùa đông, chim én di cư về phương nam để tránh rét.*  *+ Cá chình di cư theo dòng chảy từ vùng nước ngọt ra biển để đẻ trứng.*  *- Hiện tượng phát tán hạt phấn của thực vật là hiện tượng di nhập gene. Đây là phương thức lan truyền gene từ quần thể này sang quần thể khác chủ yếu của thực vật.*  **Câu 5.** Sự hình thành các nhóm phân loại trên loài được tiến hóa chủ yếu theo hướng nào? Cho ví dụ.  *- Sự hình thành các nhóm phân loại trên loài được tiến hóa chủ yếu theo hướng phân li tính trạng, cấu tạo cơ thể ngày càng phức tạp.*  *- Ví dụ:*  *+ Tiến hóa theo hướng phân li tính trạng: Từ nguyên sinh vật đơn bào, chọn lọc tự nhiên đã tác động theo nhiều hướng khác nhau về cấu tạo cơ thể, phương thức dinh dưỡng, khả năng di chuyển,… để hình thành nên các sinh vật thuộc 3 giới là nấm, động vật và thực vật.*  *+ Tiến hóa theo hướng cơ thể ngày càng phức tạp: Giới Thực vật tiến hóa theo hướng cơ thể ngày càng phức tạp từ cơ thể chưa có hệ mạch (Rêu) đến có hệ mạch (Dương xỉ, Hạt trần, Hạt kín), từ chưa có cơ quan sinh sản là hoa (Rêu, Dương xỉ, Hạt trần) đến có hoa (Hạt kín), từ sinh sản bằng bào tử (Rêu, Dương xỉ) đến sinh sản bằng hạt trần (Hạt trần) và cao hơn là sinh sản bằng hạt được bảo vệ trong quả (Hạt kín),…* |

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ:**  HS nhận nhiệm vụ.  GV sử dụng phương pháp làm việc nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép để hướng dẫn và gợi ý cho HS hoàn thành PHT số 2.  Vòng 1: Nhóm chuyên gia  + GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thực hiện các nhiệm vụ độc lập:  Nhóm 1: Tìm hiểu nguồn biến dị di truyền cho tiến hoá.  Nhóm 2: Tìm hiểu nhân tố tiến hoá.  Nhóm 3: Tìm hiểu cơ chế tiến hoá nhỏ, tiến hoá lớn.  + Các nhóm làm việc trong vòng 5 phút, sau khi tìm hiểu, thống nhất ý kiến, mỗi thành viên phải trình bày trước nhóm của mình một lượt, như là chuyên gia.  Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép  + Thành lập nhóm các mảnh ghép: Mỗi nhóm được thành lập từ ít nhất một thành viên của nhóm chuyên gia. Mỗi thành viên có nhiệm vụ trình bày lại cho cả nhóm kết quả tìm hiểu ở nhóm chuyên gia, hoàn thành PHT số 2.  **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ:**  Các nhóm làm việc và hoàn thành PHT số 2.  GV quan sát, hỗ trợ học sinh khi cần thiết.  **Báo cáo kết quả:**  - Đại diện nhóm báo cáo, các nhóm HS khác đối chiếu nhận xét.  - GV mời đại diện một nhóm nhanh nhất báo cáo kết quả PHT số 2.  - GV nhận xét sự hoạt động của các nhóm, chốt đáp án và công bố thang điểm. | **3. Thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại**  - Quá trình đột biến tạo ra các allele mới làm nguồn nguyên liệu cho tiến hoá. Quá trình giao phối giúp tổ hợp các đột biến trong quần thể, hình thành các kiểu gene mới, tạo nguyên liệu cho chọn lọc tự nhiên.  - Các nhân tố tiến hoá cơ bản bao gồm: đột biến, di - nhập gene, yếu tố ngẫu nhiên, giao phối không ngẫu nhiên và chọn lọc tự nhiên. Chọn lọc tự nhiên là cơ chế duy nhất và liên tục tạo nên  tiến hoá thích nghi.  - Tiến hoá lớn là quá trình tiến hoá diễn ra trên quy mô rộng lớn, qua thời gian địa chất rất dài dẫn đến hình thành loài mới và các nhóm phân loại trên loài như: chỉ, họ, bộ, lớp, ngành, giới và lãnh giới. |

1. **Hoạt động 3: Luyện tập (20 phút)**
2. **Mục tiêu:** Củng cố nội dụng toàn bộ bài học.
3. Nội dung: HS tham gia trả lời câu hỏi trắc nghiệm dưới hình thức đấu trường game qua ứng dụng quizzi.com.
4. Sản phẩm: Học sinh dựa vào kiến thức bài học trả lời các câu hỏi.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ:**  HS nhận nhiệm vụ  Học sinh nhập mã bài tập trên quizzi.com, hoàn thành các câu hỏi sau. Bạn nào được điểm cao nhất sẽ chiến thắng.  **Câu 1:** Theo Lamarck, môi trường sống có vai trò là nhân tố chính  A. làm tăng tính đa dạng của loài.  B. làm cho các loài có khả năng thích nghi với môi trường thay đổi.  C. làm phát sinh các biến dị không di trryền.  D. làm cho các loài biến đổi dần dà và liên tục.  **Câu 2:** Phát biểu nào là **khôn**g đúng với quan niệm của Lamarck?  A. Tiến hóa là sự phát triển có kế thừa lịch sử, theo hướng từ đơn giản đến phức tạp.  B. Sinh vật vốn có khuynh hướng không ngừng vươn lên tự hoàn thiện.  C. Sinh vật vốn có khả năng phản ứng phù hợp với sự thay đổi của ngoại cảnh nên không bị đào thải.  D. Biến dị cá thể là nguồn nguyên liệu chủ yếu trong chọn giống và tiến hóa.  Câu 3: Theo Darwin, nguồn nguyên liệu của chọn giống và tiến hóa là gì  **A. biến dị di truyền.**  B. các biến dị cá thể phát sinh trong quá trình sinh sản theo những hướng xác định.  C. những biến đổi do tập quán hoạt động.  D. những biến đổi trên cơ thể sinh vật dưới tác dụng trực tiếp của điều kiện sống.  **Câu 4:** Khi nói về học thuyết tiến hóa của Darwin, phát biểu nào sau đây **không** đúng?  A. Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành các đặc điểm thích nghi trên cơ thể sinh vật là do CLTN tác động thông qua đặc tính biến dị và di truyền của sinh vật.  B. CLTN là quá trình đào thải các sinh vật mang các biến dị không thích nghi và giữ lại các sinh vật mang các biến dị di truyền giúp chúng thích nghi.  C. Hạn chế của học thuyết tiến hóa Darwin là chưa làm rõ được nguyên nhân phát sinh và cơ chế di truyền của biến dị.  D. Để giải thích về nguồn gốc các loài, theo Đacuyn nhân tố tiến hóa quan trọng nhất là biến dị cá thể.  **Câu 5:** Tồn tại chính trong học thuyết Darwin là  A. Giải thích không thành công cơ chế hình thành các đặc điểm thích nghi.  B. Chưa hiểu rõ nguyên nhân của phát sinh biến dị và cơ chế di truyền của các biến dị.  C. Chưa giải thích được quá trình hình thành loài mới.  D. Chưa thành công trong việc xây dựng luận điểm về nguồn gốc của các loài.  **Câu 6:** Theo thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại, có bao nhiêu nhận định sau đây là **không** đúng?  (1) Đột biến làm phát sinh các allele mới cung cấp nguồn biến dị sơ cấp.  (2) Biến dị cá thể phát sinh trong sinh sản là nguồn biến dị chủ yếu.  (3) Sự tổ hợp các allele qua giao phối tạo nguồn biến dị thứ cấp.  (4) Sự di truyền của các giao tử hay cá thể từ quần thể khác đến đã bổ sung nguồn biến dị cho quần thể.  A. 3.    B. 2. C. 1.     D. 4.  **Câu 7:** Chọn lọc tự nhiên tác động lên quần thể vi khuẩn mạnh mẽ hơn tác động lên một quần thể sinh vật nhân thực vì  A. vi khuẩn trao đổi chất mạnh và nhanh nên dễ chịu ảnh hưởng của môi trường.  B. CLTN tác động trực tiếp lên kiểu hình và gián tiếp lên kiểu gen.  C. vi khuẩn có ít gen nên tỉ lệ gen mang đột biến lớn.  D. vi khuẩn sinh sản nhanh và ở dạng đơn gene nên gene đột biến biểu hiện ngay ra kiểu hình.  **HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS toàn lớp tham gia trò chơi theo nhóm  GV quan sát, điều khiển trò chơi  **Báo cáo kết quả:**  - HS đánh giá kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá. |  |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (18 phút)**

**a) Mục tiêu**: Vận dụng hiểu biết về cơ chế tiến hóa để giải thích hiện tượng thực tế.

**b) Nội dung**: GV cho học sinh làm bài tập vận dụng theo nhóm cặp đôi.

**Bài tập:**

- Vận dụng thuyết tiến hóa hiện đại để giải thích hiện tượng kháng thuốc ở vi khuẩn. Hãy phân tích các hạn chế của Darwin khi giải thích hiện tượng kháng thuốc này.

- Nhiều gia đình thường tự ý mua thuốc kháng sinh về dùng. Em có suy nghĩ như thế nào về vấn đề này.

**c) Sản phẩm**: Học sinh vận dụng kiến thức làm bài tập:

- Giải thích hiện tượng kháng thuốc ở vi khuẩn theo thuyết tiến hóa hiện đại: Trong quá trình vi khuẩn kí sinh trong cơ thể, có nhiều đột biến được phát sinh, trong đó có đột biến tạo thành allele quy định tính kháng thuốc. Khi bệnh nhân uống thuốc kháng sinh (môi trường trong cơ thể xuất hiện hoạt chất của thuốc kháng sinh), chọn lọc tự nhiên tác động theo hướng giữ lại các vi khuẩn mang allele quy định tính kháng thuốc và đào thải các vi khuẩn không mang allele quy định tính kháng thuốc. Qua thời gian, các vi khuẩn mang allele quy định tính kháng thuốc được sống sót, sinh sản và chiếm ưu thế (hiện tượng nhờn thuốc).

- Các hạn chế của Darwin khi giải thích hiện tượng kháng thuốc:

+ Theo thuyết tiến hóa hiện đại, tính kháng thuốc ở vi khuẩn do đột biến tạo thành allele quy định tính kháng thuốc. Nhưng Darwin thì chưa giải thích được nguyên nhân xuất hiện biến dị tính kháng thuốc, ông chỉ gọi chung là biến dị cá thể.

+ Darwin cũng chưa làm rõ được cơ chế di truyền của biến dị quy định tính kháng thuốc trong khi thuyết tiến hóa hiện đại cho biết cơ chế di truyền của biến dị chính là sự truyền đạt allele đột biến cho thế hệ sau thông qua sinh sản.

- HS đưa ý kiến cá nhân về vấn đề tự ý sử dụng thuốc kháng sinh. Định hướng: Không nên tự ý mua và dùng thuốc kháng sinh vì có thể gây kháng thuốc rất nguy hiểm khi cơ thể bị nhiễm khuẩn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ:**  HS nhận nhiệm vụ  GV giao bài tập:  - Vận dụng thuyết tiến hóa hiện đại để giải thích hiện tượng kháng thuốc ở vi khuẩn. Hãy phân tích các hạn chế của Darwin khi giải thích hiện tượng kháng thuốc này.  - Nhiều gia đình thường tự ý mua thuốc kháng sinh về dùng. Em có suy nghĩ như thế nào về vấn đề này.  **Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm cặp đôi.  GV theo dõi, hỗ trợ HS khi cần.  **Báo cáo kết quả:**  Đại diện HS báo cáo, các nhóm cùng thảo luận, đưa ý kiến để có định hướng đúng.  GV mời đại diện HS báo cáo, các HS khác trao đổi, thảo luận.  GV chuẩn hóa. |  |

**PHỤ LỤC**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 1**

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TỰ CHỦ, TỰ HỌC CỦA CÁ NHÂN TRONG NHÓM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Họ và tên học sinh:................................................................................................*  *Nhóm: ....................................... Lớp:...............................*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Các tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Cá nhân đánh giá** | **Nhóm đánh giá** | | 1 | Sẵn sàng, vui vẻ nhận nhiệm vụ được giao. | **1** |  |  | | 2 | Thực hiện tốt nhiệm vụ tìm hiểu, khai thác thông tin từ SGK, tư liệu học tập. | **2** |  |  | | 3 | Chủ động chia sẻ thông tin với các thành viên trong nhóm. | **2** |  |  | | 4 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công và giúp đỡ thành viên khác. | **2** |  |  | | 5 | Tôn trọng và lắng nghe các thành viên khác góp ý. | **2** |  |  | | 6 | Cùng với nhóm hoàn thành yêu cầu GV đưa ra. | **1** |  |  | | **Tổng điểm** | | **10** |  |  | |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 2**

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỢP TÁC CỦA MỖI CÁ NHÂN TRONG NHÓM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Họ tên học sinh: ........................................................................................................*  *Nhóm: ........................... Lớp: ...........................* | | | | | |
| **STT** | **Các tiêu chí** | **Điểm tối đa** | **Cá nhân đánh giá** | **Nhóm đánh giá** |
| 1 | Sẵn sàng, vui vẻ nhận nhiệm vụ được giao. | 1 |  |  |
| 2 | Thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân được giao. | 1 |  |  |
| 3 | Chủ động trao đổi với các thành viên trong nhóm. | 2 |  |  |
| 4 | Sẵn sàng giúp đỡ thành viên khác. | 2 |  |  |
| 5 | Chủ động chia sẻ thông tin và lắng nghe các thành viên khác. | 3 |  |  |
| 6 | Đưa ra lập luận thuyết phục được nhóm. | 1 |  |  |
|  | **Tổng điểm** | **10** |  |  |

Rút kinh nghiệm :

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

Duyệt của tổ trưởng Người soạn